

Số: /BC-THTT

Thị trấn TL, ngày tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2023 - 2024

(Kèm theo Thông tư số 09 /2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Kính gửi: Phòng Giáo dục & Đào tạo Tiên Lãng.

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định về thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Công văn số 343/GDĐT ngày 17/8/2023 của phòng GD&ĐT Tiên Lãng về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học năm học 2023 - 2024; Công văn 462/GDĐT ngày 13/9/2024 của Phòng GD&ĐT Tiên Lãng về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học năm học 2024 - 2025

Trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng thực hiện báo cáo như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị: Trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng - huyện Tiên Lãng- Hải Phòng

2. Địa điểm trụ sở chính: Số 1 Ngõ 176, Phố Minh Đức, Thị trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Hải Phòng

Địa chỉ thư điện tử: tl-ththitrantienlang@.haiphong.edu.vn.

Website: <https://ththitrantienlang.haiphong.edu.vn>

3. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tiên Lãng.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu.

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao.

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Quá trình thành lập: Trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng nằm trên địa bàn Thị trấn Tiên Lãng gồm 2 điểm trường, khu điểm trường Trung tâm nằm trên địa bàn khu 4 (phố Minh Đức) Thị trấn Tiên Lãng và khu điểm trường 2 thuộc địa bàn khu 6 Thị

trần, tổng diện tích 2 khu là 6805 m². Trường được chia tách từ trường Phổ thông cơ sở Thị trấn Tiên Lãng từ ngày 01 tháng 9 năm 1987 thành trường Phổ thông cơ sở cấp 1. Đến ngày 10 tháng 8 năm 2001 do số lớp đông nên được chia tách thành 2 trường Tiểu học và từ năm 2001, trường mang tên là trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng

6. Thông tin người đại diện pháp luật Người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Vũ Thị Minh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 1 Ngõ 176, Phố Minh Đức, Thị trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Hải Phòng

Số điện thoại: 0936477122

7. Tổ chức bộ máy

Trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng GD&ĐT huyện Tiên Lãng.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho GV, nhân viên, HS tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + 01 Hội đồng trường với 10 thành viên.

- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 35 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 50 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn đội: có 18 lớp sao nhi đồng và 12 chi đội.
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 05 tổ chuyên môn.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Quyết định số 121/QĐ-THTT ngày 05/9/2023 của Trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai Năm học 2023 – 2024.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	50	0	0	45	02	02	01								
I	Giáo viên	43	0	0	41	02	0	0	0	22	21		35	8	0	0
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:															
1	Tiếng dân tộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Ngoại ngữ	02	0	0	02	0	0	0	0	02	0	0	02	0	0	0
3	Tin học	01	0	0	01	0	0	0	0	0	0	0	01	0	0	0
4	Âm nhạc	02	0	0	02	0	0	0	0	0	02	0	02	0	0	0
5	Mỹ thuật	03	0	0	01	02	0	0	0	0	03	0	03	0	0	0
6	Thể dục	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	03	0	0	03	0	0	0	0	03	0	0	02	0	0	0
1	Hiệu trưởng	01	0	0	01	0	0	0	0	01	0	0	01	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	02	0	0	02	0	0	0	0	02	0	0	02	0	0	0
III	Nhân viên	04	0	0	01	0	02	01								
1	Nhân viên văn thư	01	0	0	0	0	01	0								
2	Nhân viên kế toán	01	0	0	01	0	0	0								
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0								

4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0								
5	Nhân viên thư viện	01	0	0	0	0	01	0								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0	0	0	0	0	0	0								
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0	0								
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0								
9	Bảo vệ	01	0	0	0	0	0	01								

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
2	Phòng học kiên cố	30	1.5
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	Số điểm trường	2	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	6.805 m ²	6,6 m ²
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5005 m ²	4,8 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng	1800 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	60 m ²	1.7 m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	63 m ²	0.06 m ²
3	Diện tích phòng GDTC hoặc nhà đa năng (m ²)	0	0
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	60 m ²	1.7 m ²
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	60 m ²	1.7 m ²

6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	60 m ²	1.7 m ²
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)		
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	30 m ²	0.029 m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị : bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	20	30/30= 1
1.1	Khối lớp 1	07	07/7 = 1
1.2	Khối lớp 2	05	05/5 = 1
1.3	Khối lớp 3	06	06/6= 1
1.4	Khối lớp 4	06	06/6 = 1
1.5	Khối lớp 5	06	06/6 = 1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 1	0	0
2.2	Khối lớp 2	0	0
2.3	Khối lớp 3	0	0
2.4	Khối lớp 4	0	0
2.5	Khối lớp 5	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	75	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	30	30/30
2	Màn hình tương tác	01	01/30
3	Máy soi vật thể	30	30/30

	Nội dung	Số lượng (m²)
--	-----------------	---------------------------------

X	Nhà bếp	200
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	24 phòng, 1500 m ²	865	1.7 m ² /chỗ
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	00	03	00	0.1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	00	00	00	00	00

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

*** Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt:**

Khối lớp 1

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
----------	-------------	--------------	---------------

Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Toán 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thản (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tĩnh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mĩ thuật 1	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền (Chủ biên), Phạm Duy Anh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 1	Bùi Sỹ Tụng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục Thể chất 1	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 1 (Phonics - Smart)	Nguyễn Thu Hiền (Chủ biên), Quãn Lê Duy.	NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	

Khối lớp 2

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (Đồng chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo Đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống

Tự nhiên và xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tinh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục Thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hùng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyển, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mỹ thuật 2	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang, Bùi Quang Tuấn.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 2 (Phonics-Smart)	Nguyễn Thu Hiền (Chủ biên), Quãn Lê Duy.	NXB ĐH Quốc gia Thành phố HCM	

Khối lớp 3

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Than (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống

Tin học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mĩ thuật 3	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biên, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tổ Oanh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 3 (Wonderful World)	Nguyễn Thu Lệ Hằng (Chủ biên), Nguyễn Mai Phương, Phạm Thanh Thủy, Trần Hoàng Anh, Trần Thị Anh Thư.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Bình Minh Group

Khối lớp 4

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	Nhà xuất bản GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.		
Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

Lịch sử và Địa lí 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục Thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mĩ thuật 4	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 4 (Worlderful World)	Nguyễn Thu Lệ Hằng (Chủ biên), Nguyễn Mai Phương, Phạm Thanh Thủy, Trần Hoàng Anh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	

Khối lớp 5

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm.		
Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục Thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mĩ thuật 5	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thủy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 5 (Wonderful World)	Nguyễn Vũ Quỳnh Như (Chủ biên), Trần Thị Thảo Phương, Đặng Thị Cẩm Tú, Trần Thị Thu Sương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	

*** Danh mục xuất bản phẩm tham khảo:**

1. Sách dùng cho Giáo viên, Học sinh

Khối	STT	Tên	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	1	Tập Viết 1, Tập 1, 2	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	2	Sách Bài tập Tiếng Việt, Toán Tập 1,2	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	3	Sách bài tập Mỹ thuật 1	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	1	Tập Viết 2, Tập 1, 2	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	2	Sách Bài tập Tiếng Việt. Toán - Tập 1,2	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	3	Sách bài tập Mỹ thuật	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	1	Tập Viết 3, Tập 1, 2	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	2	Sách Bài tập Tiếng Việt, Toán 3- Tập 1,2	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	3	Sách bài tập Mỹ thuật 3	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	1	Sách Bài tập Tiếng Việt, Toán 4- Tập 1,2	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	2	Sách bài tập Mỹ thuật 4	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	1	I learn Smart Start - Grade 5	Nhà phát hành Đại Trường Phát.	

2. Sách dùng cho Giáo viên

Khối	STT	Tên	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	1	Sách bài tập nâng cao Toán, Tiếng Việt	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2,3,4	1	Toán, TV - tập 1+ 2 (Dành cho buổi 2)	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

	2	Phiếu BT cuối tuần môn Toán, TV (Khối 2-4)	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
1,2,3,4	1	Giáo dục Stem, hàn trình sánh tạo	Giáo dục Việt Nam	
5	1	I learn Smart Start - Grade 5	Nhà phát hành Đại Trường Phát.	
	2	Luyện tập toán, Tiếng Việt, Tập 1,2	Đại học sư phạm	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (UBND thành phố HP)

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Tiêu chuẩn chất lượng Giáo dục
- Mức độ đạt kiểm định: Mức 3
- Thời gian hiệu lực: từ ngày 08 tháng 11 năm 2012 đến ngày 08 tháng 11 năm 2017

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Kế hoạch tuyển sinh:

Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2024 – 2025

Đối tượng tuyển sinh: Tuyển trẻ 6 tuổi sinh năm 2018 trở về trước (huy động cả trẻ khuyết tật) có hộ khẩu và hiện đang sinh sống trên địa bàn khu 3,4,5,6 Thị trấn Tiên Lãng.

Chỉ tiêu tuyển sinh: - Số lớp: 06 lớp - Số HS: 193 học sinh

Thời gian tuyển sinh:

* Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: từ ngày 08/7/2024 đến hết 20/7/2024

* Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: từ 22/7/2024 đến hết ngày 28/7/2024.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

- Kết quả tuyển sinh: Năm học 2023-2024 nhà trường tuyển sinh 7 lớp với tổng số học sinh là: 232 em

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

* **Thông kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp**

T T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1034	232	174	217	204	207
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1034	232	174	217	204	207

III	Số học sinh khuyết tật học hòa nhập	5	0	1	1	1	2
IV	Số học sinh chia theo kết quả giáo dục	827	232	174	217	204	
1	Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	560 em = 67.7%	176 em = 75.8%	136 em = 78.2%	132 em = 60.8%	116 em = 56.8%	
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	168 em = 20.3 %	37 em = 15.9 %	22 em =12.6%	59 em =27.1%	50 em = 24.5%	
3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	97 em = 11.7%	17 em = 7.3 %	16 em = 9.2%	26 em =12.1%	38 em =18.7%	
4	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	2 em = 0,3 %	2 em = 1 %	0	0	0	
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	1034	232	174	217	204	207
1	Số HS hoàn thành chương trình lớp học (tỷ lệ so với tổng số)	1032 em = 99.8%	230 em = 99 %	174 em =100%	217 em 100%	204 em =100%	207em =100%
	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	902 em =87.2 %	213 em = 91.8 %	154 em =88.5%	192 em = 88.4%	169 em = 82.8%	174 em =84.1%
	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	104 em =10 %	24 em = 10.3 %	19 em =10.9%	26 em =12 %	25 em =12.3%	28 em =13.5%
2	Số HS chưa hoàn thành chương trình lớp học (tỷ lệ so với tổng số)	2 em = 0,2%	2 em = 3.2%	0	0	0	0

Có 02 học sinh rèn luyện lại trong hè. Toàn trường có 02 học sinh chưa HTCT lớp học.

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: Năm học 2023-2024: 207 HS.

- Số lượng học sinh được lên lớp 6: 207 HS.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính¹⁵

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
----	-----------------	-------------	-------------------------------

1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm		
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững		

2. Kết quả thu chi hoạt động¹⁶

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG		
I	Hỗ trợ' chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư		
II	Thu giáo dục và đào tạo		
1	Học phí, lệ phí từ người học		
2	Hợp đồng, tài trợ' từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	3.931.161.75	7.537.975.547
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG		
I	Chi lương, thu nhập		
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	4.405.321.47	5.397.059.196
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	143.360.000	147.349.804
II	Chi CO' sở' vật chất và dịch vụ		
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		

3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác		
III	Chi hỗ trợ người học		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập		
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác		
c	CHÊNH LỆCH THU CHI	0	0

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC¹⁷

1. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

1.1. Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học

Chỉ đạo linh hoạt xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thời gian thực

hiện chương trình khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; *Điều chỉnh nội dung dạy học hợp lý; tinh giản những nội dung chồng chéo, trùng lặp* giữa các môn học, sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp, không cắt xén chương trình.

1.2. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, 2, 3, 4

- Mỗi giáo viên tự chủ linh hoạt trong thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới theo kế hoạch của tổ/nhóm chuyên môn và kế hoạch của nhà trường (Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) phù hợp với đối tượng học sinh của lớp.

1.3. Thực hiện Chương trình GDPT 2006 đối với các lớp 5

- Áp dụng Chương trình GDPT 2006, chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo Công văn 3969/BGDĐT-GDTH 2021 và công văn số 3799/BGDĐT-GDTH ngày 01/9/2021 của Bộ GD&ĐT về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018, công văn 405/BGDĐT-GDTH định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh để lớp 5 chủ động tiếp cận với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

1.4. Tổ chức dạy học ngoại ngữ, Tin học

a) Dạy học ngoại ngữ

* Dạy học tiếng Anh chương trình chính khóa:

- Số lớp, số HS học tiếng Anh: 30/30 lớp; 1034/1034 học sinh, đạt tỉ lệ 100%.

b) Dạy học Tin học

Số HS lớp 3, 4, 5	Số lớp học Tin học	Số HS học Tin học	Chia ra (số HS)			So với NH 2022-2023 giảm	
			Khối 3	Khối 4	Khối 5	Số lớp	Số HS
628	18	628	217	204	207	01	22

1.5. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo CT GDPT 2018

- Chỉ đạo thực hiện dạy học và tích hợp nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học; hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương lớp 1, lớp 2,3 năm học 2022-2023 theo Quyết định 1395/QĐ/SGDĐT-GDTH-CN&ĐH ngày 30/9/2020 về Chương trình giáo dục địa phương cấp tiểu học, với hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nhà trường, đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục.

1.6. Triển khai giáo dục STEM

- Việc xây dựng kế hoạch giáo dục STEM: Xây dựng kế hoạch theo Công văn số 909/BGDĐT-GDTH, ngày 08/3/2023 về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học nhằm hướng dẫn một số nội dung thực hiện giáo dục STEM và tổ chức, quản lý giáo dục STEM trong trường Tiểu học.

2. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, bán trú

2.1. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày:

- Số lớp, số HS học 2 buổi/ngày: 30/30lớp, 1034/1034 học sinh, đạt tỉ lệ 100%

* Đánh giá về kết đạt được:

Nhà trường tổ chức 30/30 lớp học 2 buổi/ngày kết hợp điều chỉnh, bổ sung ôn luyện kiến thức đã học, tăng cường nội dung thực hành, trải nghiệm cho HS.

2.2. Tổ chức bán trú:

- Số học sinh ăn bán trú: $849 \text{ hs}/1034 = 82\%$ (giảm 0,9% so với HKI). Cụ thể:
+ Lớp 1: 218hs; + Lớp 2: 165; + Lớp 3 : 177; + Lớp 4 : 142; + Lớp 5 : 147

- Phương thức triển khai:

Nhà trường ký kết với công ty TNHH Chế biến và cung cấp thực phẩm NEW GREEN để cung cấp suất ăn chế biến ngay tại bếp ăn nhà trường phục vụ học sinh.

3. Đổi mới phương pháp dạy học

Giáo viên đã mạnh dạn sáng tạo linh hoạt đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong các tiết dạy. Đặc biệt trong các đợt chuyên đề cấp tổ, trường, huyện, đợt thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp Huyện, giáo viên được học tập nhiều kinh nghiệm tổ chức lớp học BGH đã rút kinh nghiệm, điều chỉnh theo hướng đổi mới học sinh được phát triển nhiều nhất; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên.

4. Đổi mới đánh giá học sinh

Thông qua các hình thức đánh giá thường xuyên trong các tiết dạy, đánh giá định kỳ qua bài kiểm tra nâng cao năng lực đánh giá học sinh, năng lực ra đề kiểm tra định kỳ cho giáo viên. Đảm bảo chặt chẽ việc đánh giá thường xuyên với việc đánh giá định kỳ. Trong kiểm tra đánh giá chú ý đến mức độ hoàn thành bài học đối với tất cả học sinh. Đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ học tập; vở học tập; đánh giá qua việc quan sát, hỏi đáp và viết. Kết hợp việc HS đánh giá lẫn nhau và đánh giá của phụ huynh HS.

5. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

Có đầy đủ phòng học thực hiện mua sắm thiết bị dạy học đầy đủ : Máy soi, máy tính, màn hình tivi 1bộ/lớp, có mạng LAN đáp ứng thực hiện hiệu quả chương trình GDPT 2018 theo quy định của Bộ GD&ĐT;

Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học trong tổ chức các hoạt động giáo dục. Đảm bảo đủ sách học sinh, sách giáo viên dạy học lớp 1,2,3,4 chương trình GDPT 2018. Nhà trường mua SGK, tài liệu tham khảo, thiết bị đồ dùng dạy học tổng số tiền 1.101.179.019 đồng.

Các lớp bổ sung đầu sách cho thư viện lớp, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thư viện, thư viện lưu trữ SGK để sử dụng lâu dài và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

6. Sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học; ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học

Thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GD&ĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” nhà trường đã mua bổ sung sửa chữa các thiết bị dạy học: ti vi, máy soi bài, cây vi tính, nâng cấp hệ thống đường mạng.

Đầu tư cơ sở vật chất bàn ghế, tủ đồ dùng học tập, tủ thư viện, bảng lớp,... Tổ chức cho đội ngũ giáo viên tập huấn đáp ứng yêu cầu thực hiện CTGDPT 2018. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng giáo dục trực tuyến trong dạy học: 80% giáo viên thường xuyên ứng dụng CNTT, 80% nền tảng giáo dục trực tuyến trong dạy học lớp 1-4, 50% nền tảng giáo dục trực tuyến trong dạy học lớp 5.

- 100% CBQL, giáo viên ứng dụng quản lý điểm, đánh giá học sinh; quản lý hồ sơ sổ sách điện tử; chữ ký số giáo án, học bạ.

- Hội thi Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp huyện, tham gia chuyên đề cấp trường, huyện, 100% giáo viên ứng dụng CNTT và nhiều GV ứng dụng nền tảng giáo dục trực tuyến được BGK, tham dự chuyên đề đánh giá cao.

7. Tăng cường huy động nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục

Tiếp tục tham mưu, đề xuất với cấp trên bổ sung ngân sách đầu tư xây dựng CSVC, sửa chữa, mua sắm đồ dùng, trang thiết bị dạy học

Thực hiện bảo đảm mức chi tối thiểu 20% ngân sách cho giáo dục theo quy định của Luật Giáo dục 2019 và Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng chính phủ về ban hành Quyết định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước từ năm 2022;

Nhà trường đã huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học thực hiện hiệu quả chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ GD&ĐT. Quan tâm đầu tư, bổ sung kinh phí nâng cấp, xây dựng cải tạo thư viện đáp ứng triển khai Chương trình GDPT 2018.

Thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kế hoạch dạy học và giáo dục theo quy định, đảm bảo sự tham gia của Hội Cha mẹ học sinh, các lực lượng xã hội trong việc xây dựng, thực thi và giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

8. Công tác giáo dục chính trị và công tác học sinh; y tế học đường; an ninh an toàn trường học; Xây dựng văn hóa trường học, xây dựng trường học hạnh phúc; giáo dục thể chất

Chú trọng công tác chính trị tư tưởng, đạo đức nhà giáo và ứng xử văn hóa cho đội ngũ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống và ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh; chú trọng xây

dựng văn hóa trường học, môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; triển khai thực hiện bộ quy tắc ứng xử trong trường học, các giải pháp chống bạo lực học đường. Thực hiện 5 điều bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng gắn với các hoạt động giáo dục bảo đảm thiết thực hiệu quả. Phát huy hiệu quả các hoạt động Đoàn, Đội trong trường học

Thực hiện tốt việc bảo vệ, chăm sóc sức khỏe học sinh, cập nhật đầy đủ các văn bản của nhà nước liên quan đến BHYT học sinh, nhằm đảm bảo quyền lợi cho học sinh khi đi khám chữa bệnh. Nhà trường phối hợp với Trung tâm y tế Huyện và thị trấn đã tổ chức 02 khám sức khỏe định kỳ ngay tại trường cho học sinh toàn trường, theo dõi đánh giá sức khỏe học sinh về cân nặng, chiều cao, bệnh về mắt, răng miệng, cột sống, có tư vấn kịp thời đã hạn chế mắc các bệnh lứa tuổi học đường. Phối hợp với trạm y tế Thị trấn tổ chức tiêm bù mũi cho học sinh lớp 1 theo đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên.

9. Công tác truyền thông về giáo dục

Tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt sâu sắc tới phụ huynh học sinh các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Bộ GD&ĐT về chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và phát triển giáo dục. Nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Tuyên truyền những kết quả đạt được để phụ huynh hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về giáo dục tiêu học; xây dựng kế hoạch truyền thông, phối hợp chặt chẽ với đài địa phương, kịp thời, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội về giáo dục của nhà trường.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2023-2024, trường Tiểu học Thị trấn trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng GD&ĐT huyện;
- BGH, các tổ chuyên môn;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Minh